

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:136/2018/DS- ST
Ngày: 31 - 5 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về
“góp hụi và vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Chiến

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Súc

2. Ông Võ Thái Quân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2017/TLST - DS ngày 09 tháng 11 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng dân sự “ góp hụi và vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Nh, sinh năm 1966.

Cư trú: Tổ 2, ấp Th 1, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn V, sinh năm 1978 và bà Lê Thị Thúy L (Nguyễn Thị Bích L), sinh năm 1976.

Cùng cư trú: Tổ 2, ấp Th 1, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Anh Lê Thanh H (H1), sinh năm 1976. Nơi cư trú: Số 84, tổ 2, ấp Th 1, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

3.2. Chị Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Số 106, tổ 2, ấp Phú Mỹ H, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

3.3. Ông Lê Văn Kh, sinh năm 1967.

Cư trú: Tổ 2, ấp Th 1, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang
(Bà Nh, ông Kh có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải bà Huỳnh Thị Nh trình bày: Do quen biết nhà gần nhau, bà có làm chủ nhiều dây hội (hội tháng), anh Lê Văn V và chị Lê Thị Thúy L là hội viên có tham gia 7 dây hội gồm:

- Dây hội thứ nhất, mở ngày 30/04/2016 âl, hội 2.000.000đ (Hai triệu đồng), có 32 phần, anh V chị L tham gia 02 phần, trong danh sách hội viên anh V, chị L đứng thứ 18 và 19, đến ngày 30/09/2018 âl hội kết thúc, khi mở hội anh V và chị L hốt phần thứ nhất vào ngày 30/04/2016 âl và hốt phần thứ hai vào ngày 30/05/2016 âl, khi hốt hội bà giao đủ tiền được hốt hội, sau đó anh V, chị L góp hội chết được 11 lần còn lại 19 lần chưa góp. Tổng số tiền chưa góp của 2 phần là 76.000.000 đ (Bảy mươi sáu triệu đồng), nhưng đến khi Tòa án xét xử vi phạm 14 lần số tiền là 56.000.000đ

- Dây hội thứ hai, mở ngày 05/06/2015 âl, hội 2.000.000 đ (Hai triệu đồng), có 32 phần, anh V, chị L tham gia 01 phần, trong danh sách hội viên anh V, chị L đứng thứ 13, đến ngày 05/12/2017 âl hội kết thúc, hội mở lần thứ ba ngày 05/08/2015 âl anh V, chị L hốt, khi hốt hội bà giao đủ tiền được hốt hội, sau đó anh V, chị L góp hội chết được 20 lần còn lại 09 lần chưa góp, tổng số tiền chưa góp là 18.000.000 (Mười tám triệu đồng).

- Dây hội thứ ba, mở ngày 10/12/2014 âl, hội 2.000.000 đ (Hai triệu đồng), có 34 phần, anh V, chị L tham gia 02 phần, trong danh sách hội viên anh V, chị L đứng thứ 17 và 18, đến ngày 10/08/2017 âl hội kết thúc, khi mở hội anh V, chị L hốt phần thứ nhất vào ngày 10/03/2016 âl và hốt phần thứ hai vào ngày 10/05/2016 âl. Sau khi hốt hội anh V, chị L góp lại đầy đủ, còn lại 03 lần chưa góp. Tổng số tiền chưa góp là 12.000.000 đ (Mười hai triệu đồng).

- Dây hội thứ tư, mở ngày 10/11/2015 âl, hội 3.000.000 đ (ba triệu đồng), có 25 phần, anh V và chị L tham gia 01 phần, trong danh sách hội viên anh V, chị L đứng thứ 18, đến ngày 10/10/2017 âl hội kết thúc, anh V chị L hốt hội lần thứ nhất ngày 10/11/2015 âl, khi hốt hội bà giao đủ tiền được hốt hội, sau đó anh V, chị L góp hội chết được 17 lần còn lại 7 lần chưa góp, số tiền chưa góp là 21.000.000 đ (Hai mươi một triệu đồng).

- Dây hội thứ năm, mở ngày 15/03/2016 âl, hội 3.000.000 đ (ba triệu đồng), có 27 phần, anh V, chị L tham gia 01 phần, trong danh sách hội viên anh V, chị L đứng thứ 15, đến ngày 15/04/2018 âl hội kết thúc, anh V chị L hốt hội lần thứ nhất ngày 15/03/2016

âl, khi hốt hụi bà giao đủ tiền được hốt hụi, sau đó anh V, chị L góp hụi chết được 13 lần còn lại 13 lần chưa góp, số tiền chưa góp là 39.000.000 đ (ba mươi chín triệu đồng).

- Dây hụi thứ sáu, mở ngày 20/08/2016 âl, hụi 2.000.000 đ (hai triệu đồng), có 34 phần, anh V, chị L tham gia 02 phần, trong danh sách hụi viên anh V, chị L đứng thứ 30 và 31, đến ngày 20/04/2019 âl hụi kết thúc, anh V, chị L hốt phần thứ nhất vào ngày 20/09/2016 âl và hốt phần thứ hai vào ngày 20/11/2016 âl, khi hốt hụi bà giao đủ tiền được hốt hụi, anh V, chị L góp hụi chết được 4 lần còn lại 26 lần chưa góp. Tổng số tiền chưa góp là 104.000.000 đ (Một trăm lẻ bốn triệu đồng), nhưng đến khi Tòa án xét xử vi phạm 14 lần số tiền là 56.000.000đ

- Dây hụi thứ bảy, mở ngày 25/09/2016 âl, hụi 2.000.000 đ (hai triệu đồng), có 29 phần, anh V, chị L tham gia 02 phần, trong danh sách hụi viên anh V, chị L đứng thứ 11 và 12, đến ngày 25/12/2018 âl hụi kết thúc, anh V, chị L hốt phần thứ nhất vào ngày 25/09/2017 âl và hốt phần thứ hai vào ngày 25/10/2017 âl, khi hốt hụi bà giao đủ tiền được hốt hụi, sau hốt hụi anh V, chị L góp được 06 lần còn lại 21 lần chưa góp. Tổng số tiền chưa góp là 84.000.000 đ (Tám mươi bốn triệu đồng), nhưng đến khi Tòa án xét xử vi phạm 13 lần số tiền là 52.000.000đ

Cộng chung 7 dây hụi anh V, chị L còn thiếu là 254.000.000 đ (hai trăm năm mươi bốn triệu đồng).

Ngoài ra anh Lê Văn V và chị Lê Thị Thúy L có hỏi vay tiền của bà, mục đích là sửa chữa nhà và làm vốn kinh doanh, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, anh V chị L nhận lần thứ nhất vào ngày 30/02/2017 âl, số tiền 100.000.000 đ (một trăm triệu đồng), sau đó anh V, chị L nhận tiền lần thứ hai vào ngày 15/04/2017 âl, tổng cộng hai lần nhận tiền anh V, chị L nợ 200.000.000 đ (hai trăm triệu đồng) có làm biên nhận do chị L ký.

Tổng cộng tiền hụi và tiền vay mà anh V, chị L thiếu là 454.000.000đ (bốn trăm năm mươi bốn triệu đồng).

Nay bà yêu cầu anh Lê Văn V và chị Lê Thị Thúy L phải liên đới trả cho bà số tiền hụi và tiền vay tổng cộng là 454.000.000 đ (bốn trăm năm mươi bốn triệu đồng).

* Anh Lê Văn V trình bày: việc vợ anh là chị L có chơi hụi với bà Nh anh biết, còn chơi như thế nào, còn nợ hay không anh không biết, còn tiền vay anh cũng không biết.

* Chị Lê Thị Thúy L vắng mặt nên không có lời trình bày

* Ông Lê Văn Kh thống nhất như lời trình bày của bà Huỳnh Thị Nh

* Anh Lê Thanh H vắng mặt, nhưng có ý kiến trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2019 như sau: Hiện tại ông đang thuê diện tích đất nông nghiệp của anh V,

chị L diện tích 2.725m² tọa lạc tại xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang, với giá 9.000.000 đồng, anh đã đưa tiền đủ cho anh V, chị L, thời hạn thuê đến hết năm 2018, anh được biết hiện nay phần diện tích đất đang thuê của anh V, chị L, Tòa án đã ra quyết định phong tỏa, đối với quyết định phong tỏa của Tòa án anh không có ý kiến. Trường hợp diện tích đất đang thuê bị kê biên hóa giá anh đồng ý giao lại, còn các quyền lợi của anh sẽ giải quyết với ông V bà L, nếu không thương lượng được thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

* Chị Lê Thị Ngọc B vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2019 như sau: Hiện tại chị đang thuê của anh V, chị L diện tích đất nông nghiệp 2.800m² tọa lạc tại xã Phú X, huyện Phú T, tỉnh An Giang, với giá 3.000.000 đồng, chị đã đưa tiền đủ cho anh V, chị L, thời hạn thuê đến hết vụ đông xuân năm 2018, chị được biết hiện nay phần diện tích đất đang thuê của anh V, chị L, Tòa án đã ra quyết định phong tỏa, đối với quyết định phong tỏa của tòa án chị không có ý kiến, nếu diện tích đất chị đang thuê bị kê biên hóa giá chị đồng ý giao lại, các quyền lợi của chị với anh V, chị L, nếu không thương lượng được thì giải quyết bằng vụ kiện khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp gì khác; không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên anh V, chị L vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án là chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

- Về nội dung: qua ý kiến trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào các tài liệu Tòa án thu thập chứng cứ là những người tham gia chơi hội cùng anh V, chị L đều xác định các dây hội mà anh V, chị L tham gia do bà Nh làm chủ khi đi mở hội đều có mặt chị L cùng đi mở hội, như vậy chứng tỏ giao dịch góp hội giữa bà Nh, anh V chị L là có, về số lần góp hội mở hội được Tòa án thông báo công khai các chứng cứ về tiền hội, nhưng anh V, chị L không đến coi như từ bỏ quyền lợi của mình, cũng như 2 khoản tiền vay anh V, chị L cũng không đến để xác định quyền lợi nghĩa vụ của mình, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đề nghị HĐXX xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh V, chị L được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và được triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ án và xét xử, nhưng anh chị không đến, anh H, chị B có yêu cầu được vắng mặt khi xét xử, đương sự vắng mặt đã cung cấp lời khai trình bày rõ ý kiến, yêu cầu của mình và việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và hiện nay anh V, chị L cư trú ấp Th 1, TT Phú M, huyện Phú T, tỉnh An Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Phú Tân theo khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Qua trình bày và các chứng cứ do bà Nh đưa ra xác định 7 dây hui do bà làm chủ vợ chồng anh V, chị L là hui viên, tất cả các dây hui này anh V, chị L đã hốt hết, khi hốt hui bà Nh đã giao đủ tiền phù hợp với các lời trình bày của những người tham chơi hui chung như chị Đặng Thị Kim Ph (ấp Hưng Th 2, xã Phú H), chị Lê Thị D (V) (ấp Th 1, TT Phú M), chị Trần Thị Kim L (ấp Th 1, TT Phú M), đều xác định các dây hui này khi đi mở hui đều có mặt của chị L cùng tham gia mở hui và cũng xác định được các lần mà chị L đã hốt, như vậy chứng tỏ giao dịch góp hui giữa bà Nh với anh V, chị L trên thực tế đã diễn ra, bà Nh chứng minh các kỳ góp hui chị L, anh V chưa góp đủ theo từng kỳ đã được thông báo công khai các chứng cứ này nhưng anh V, chị L không đến để xác định quyền và nghĩa vụ của mình như vậy coi như đã từ bỏ quyền lợi của mình cũng như cũng như 2 khoản tiền vay anh V, chị L cũng không đến để xác định quyền lợi nghĩa vụ của mình, vì vậy cần buộc anh V, chị L phải trả tiền của 7 dây hui cho bà Nh. Tuy nhiên trong các dây hui này có những dây đến khi xét xử chưa kết thúc, nên xác định những lần mà anh V, chị L vi phạm để trả cho bà Nh, tại phiên Tòa bà Nh cũng đồng ý và cho rằng nguồn tiền này là của chung vợ chồng giữa bà với ông Lê Văn Kh, do đó số tiền hui chết mà anh V, chị L phải trả cho bà Nh và ông Kh là 254.000.000đ và tiền vay 2 lần là 200.000.000đ, tổng cộng là 454.000.000đ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nh có yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bằng hình thức phong tỏa tài sản của anh V, chị L, tại phiên tòa bà Nh vẫn yêu cầu tiếp tục duy trì để đảm bảo cho việc thi hành án sau này, do đó hội đồng xét xử tiếp tục duy trì đến khi thi hành án xong cho bà Nh, ông Kh.

Để được Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bà Nh có thực hiện biện pháp bảo đảm nộp 40.000.000đ vào tài khoản tạm giữ của Tòa án tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Phú Tân (Agribank) vào ngày 10/11/2017, nay không còn cần thiết nên hoàn trả cho bà Nh khi án có hiệu lực.

- Các tài sản bị phong tỏa của anh V, chị L có 1 phần tài sản cho anh H thuê và 1 phần tài sản cho chị B thuê, qua làm việc anh H chị B không yêu cầu gì đến quyền lợi anh chị, nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Do anh V, chị L phải trả cho ông Kh và bà Nh tiền hui và tiền vay 454.000.000đ nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 27 pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 và Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Nh đối với anh Lê Văn V và chị Lê Thị Thúy L (Lê Thị Bích L) về “ góp hui và vay tài sản”.

- Buộc anh Lê Văn V và chị Lê Thị Thúy L (Lê Thị Bích L) phải trả cho bà Huỳnh Thị Nh và ông Lê Văn Kh tiền hui là 254.000.000đ và tiền vay 200.000.000đ, tổng cộng là 454.000.000đ (bốn trăm năm mươi bốn triệu đồng).

- Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2017/QĐ – BPKCTT ngày 10/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đối với tài sản của anh Lê Văn V và chị Lê Thị Thúy L (Lê Thị Bích L) đến khi thi hành án xong cho bà Huỳnh Thị Nh và ông Lê Văn Kh.

- Hoàn trả tiền thực hiện biện pháp bảo đảm cho bà Huỳnh Thị Nh 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) theo biên lai thu của ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện Phú Tân ngày 10/11/2017 khi bản án có hiệu lực thi hành.

- Án phí dân sự sơ thẩm: anh Lê Văn V và chị Lê Thị Thúy L (Lê Thị Bích L) phải chịu 22.160.000đồng, các đương sự còn lại không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Nh 11.080.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016344 ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

- Kể từ ngày bà Huỳnh Thị Nh và ông Lê Văn Kh có đơn yêu cầu thi hành án, mà anh Lê Văn V và chị Lê Thị Thúy L (Lê Thị Bích L) không thi hành dứt điểm số tiền

trên, thì còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Lê Văn V, chị Lê Thị Thúy L, anh Lê Thanh H và chị Lê Thị Ngọc B được quyền kháng cáo kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.
- Lưu TA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Văn Chiến